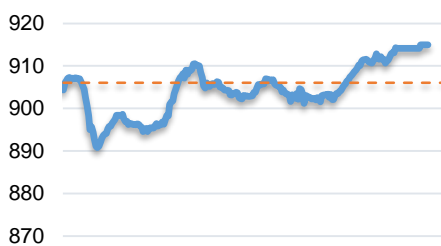


Diễn biến thị trường trong phiên

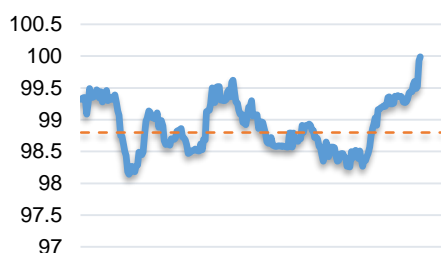
Rating	VNI	HNI	UPCoM
<b>Điểm</b>	915.0	100.0	50.0
% ngày	0.99	1.21	0.06
% tuần	-5.57	-8.82	-3.75
% tháng	-9.74	-15.49	-6.75
% năm	17.98	-0.48	-12.96
<b>GTGD (Triệu đồng)</b>			
Trong ngày	3,887.18	802.28	164.81
Hôm qua	3,327.17	672.07	163.38
TB 1 tháng	3,531.37	558.63	150.37
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	524.17	9.29	27.23
Bán	987.64	25.02	51.97
Giá trị ròng	(463.47)	(15.73)	(24.74)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	159	79	81
Mã Giảm	118	69	56
Không Đổi	76	236	597
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.2x	10.6x	10.1x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,875	191	836
LS Cổ tức	2.39	3.09	4.20

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường hôm nay có những biến động tăng giảm liên tục trong phiên, tuy nhiên vào cuối phiên khi các nhà đầu tư có tâm lý bất đăy đã đẩy lực cầu thị trường lên và thúc đẩy chỉ số tăng. Chỉ VN-Index phục hồi lại được 1% và quay về mức kháng cự 915 điểm với thanh khoản của thị trường cũng có sự khởi sắc hơn. Đối với chỉ số HNX-Index sau phiên giảm gần 4% thì phiên hôm nay hồi lại 1.2% đóng cửa gần mức 100 điểm.

Nhóm cổ phiếu nhà VinGroup: VIC (+5.3%) – VHM (+6.9%) – VRE (0.8%) là những mã hỗ trợ đặc biệt cho chỉ số VN-Index trong phiên vừa rồi. Nhóm ngân hàng cũng có sự giảm co đáng kể khi chỉ có SHB, ACB, MBB, VPB tăng giá cuối phiên. Chiều ngược lại, hai cổ phiếu ngành dầu khí là PVD (-1.9%) và GAS (-4.2%) bán mạnh trong phiên và còn có SAB (-0.9%) và VNM (-1.8%) vẫn đóng cửa tại giá đở.

Khi tình hình kinh tế chính trị quốc tế chưa ổn định và tỷ giá tăng trong thời gian gần đây đã ảnh hưởng rất lớn đến chiến lược đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. Trong phiên hôm nay khối ngoại đã tiếp tục bán ròng hơn 500 tỷ đồng. Hơn 830 tỷ đồng bị rút khỏi thị trường Việt Nam trong 02 phiên gần nhất. Những mã bị rút vốn nhiều nhất VIC (-148 tỷ), VHM (-109 tỷ), BID (-49 tỷ), HDB (-31 tỷ), MSN (-29 tỷ)

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục hồi phục nhẹ trong phiên giao dịch kế tiếp. Đồng thời, theo hệ thống chỉ báo kỹ thuật, đồ thị giá có thể sẽ tiếp tục bước vào giai đoạn hồi phục kỹ thuật với thanh khoản duy trì ở mức thấp, nhưng rủi ro ngắn hạn vẫn còn rất lớn cho nên áp lực sẽ gia tăng tại các nhịp hồi và các nhà đầu tư cần hạn chế mua đuổi hoặc mua mới ở các nhịp tăng này. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy thị trường vẫn chưa có dấu hiệu chững lại đả giảm.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và hạ mức kháng cự của hệ thống xuống mức 972.94 điểm của chỉ số VN-Index và 107.67 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp hồi phục để tiếp tục hạ tỷ trọng cổ phiếu, đặc biệt những nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao thì nên ưu tiên hạ tỷ lệ đòn bẩy về mức thấp. Đồng thời, chúng tôi không khuyến nghị mở vị thế mua mới.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 12% cổ phiếu/88% tiền mặt.**



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	915.0	997.0	895.0	830.0
Chỉ số HNX-Index	<b>GIẢM</b>	<b>GIẢM</b>	102.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	18.15	GIẢM	GIẢM		20.08				22.42		
ACB	32.00	GIẢM	GIẢM		36.30				46.17		
BFC	25.70	GIẢM	GIẢM		27.97				31.94		
BHN	86.50	GIẢM	GIẢM		103.00				132.78		
BID	22.90	GIẢM	GIẢM		27.07				36.70		
BMP	58.00	GIẢM	GIẢM		60.85				63.44		
BSR	17.80	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	71.00	GIẢM	GIẢM		84.20				105.65		
BWE	16.35	GIẢM	GIẢM		17.30				21.09		
CEO	12.00	GIẢM	GIẢM		13.95				17.99		
CHP	23.00	TĂNG	GIẢM	24.65	22.63	-6.69%			23.35		
CSM	13.65	GIẢM	TĂNG		14.70			14.80	12.77	-7.77%	
CTD	138.50	GIẢM	TĂNG		157.76			155.00	128.22	-10.65%	
CTG	21.90	GIẢM	GIẢM		24.77				32.81		
CTI	28.80	GIẢM	GIẢM		29.34				34.33		
CVT	24.50	GIẢM	GIẢM		27.55				33.98		
DGW	23.10	GIẢM	GIẢM		26.58			16.40	24.79	51.14%	
DHA	27.00	TĂNG	GIẢM	28.70	26.39	-5.92%			30.63		
DHC	41.80	GIẢM	GIẢM		43.76				46.93		
DHG	99.90	GIẢM	TĂNG		106.66			115.00	96.90	-13.13%	
DPG	50.80	GIẢM	GIẢM		53.98				62.82		
DPM	16.60	GIẢM	GIẢM		17.76				18.72		
DPR	38.30	GIẢM	GIẢM		39.94				42.17		
DQC	31.80	GIẢM	GIẢM		33.01				37.41		
DRC	22.30	GIẢM	GIẢM		24.63				23.95		
DXG	24.90	GIẢM	GIẢM		28.88			33.75	26.32	-22.02%	
ELC	9.21	GIẢM	GIẢM		10.82				12.46		
FCN	15.85	GIẢM	TĂNG	15.40	15.94	3.52%	BÁN	17.70	13.53	-10.45%	
FIT	4.12	GIẢM	GIẢM		4.67				6.28		
FMC	19.95	GIẢM	GIẢM		21.35				24.44		
FPT	40.00	GIẢM	GIẢM		43.03				52.83		
GAS	79.50	GIẢM	GIẢM		94.71				116.61		
GIL	40.00	GIẢM	GIẢM	44.00	40.12	-8.82%	BÁN	34.90	40.00	14.62%	
GMD	24.00	GIẢM	GIẢM		25.85				29.31		
GTN	8.60	GIẢM	GIẢM		9.35				11.53		
HAG	4.88	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	-2.59%			5.68		
HAX	16.00	GIẢM	GIẢM		17.02				18.67		
HBC	21.85	GIẢM	TĂNG		24.77			25.90	21.52	-15.64%	



We Create Fortune

HDB	34.30	GIẢM	GIẢM		38.68			44.56		
HNG	10.50	TĂNG	TĂNG	8.36	9.61	25.60%		8.20	7.24	28.05%
HPG	37.10	GIẢM	TĂNG		40.78			43.80	36.64	-15.30%
HSG	10.65	GIẢM	GIẢM		12.20				13.72	
HT1	10.85	GIẢM	GIẢM		12.08				14.31	
HUT	5.30	GIẢM	GIẢM		6.25				7.82	
HVN	33.40	TĂNG	GIẢM	33.10	32.59	0.91%			47.23	
ITD	11.70	GIẢM	TĂNG		12.97			12.40	11.14	-5.65%
KBC	11.70	GIẢM	GIẢM		12.08				14.33	
KDH	30.00	GIẢM	GIẢM		31.80				37.45	
KSB	33.90	GIẢM	GIẢM		36.26				40.92	
LCG	9.37	GIẢM	GIẢM		9.61				9.54	
LIX	41.90	GIẢM	GIẢM		43.27				46.98	
LPB	11.20	GIẢM	GIẢM		12.26				17.46	
LSS	7.40	GIẢM	GIẢM		8.22				9.60	
MSN	74.10	GIẢM	GIẢM		81.00				98.60	
MWG	104.50	GIẢM	GIẢM		114.12			121.00	104.78	-13.40%
NKG	14.40	GIẢM	GIẢM		16.30				18.17	
NLG	28.20	GIẢM	GIẢM		29.69				31.83	
NT2	30.30	TĂNG	GIẢM	29.80	28.46	1.68%			31.66	
NTL	9.50	GIẢM	TĂNG		9.98			10.45	8.94	-9.09%
NTP	42.00	GIẢM	GIẢM		47.54				58.36	
PAC	39.90	TĂNG	GIẢM	42.50	38.23	-6.12%			42.18	
PC1	32.00	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	-0.93%			34.50	
PDR	28.00	GIẢM	GIẢM		31.18				33.68	
PGC	14.40	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	0.35%			15.72	
PHR	19.00	GIẢM	GIẢM		21.21				26.99	
PLC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.94				19.51	
PLX	55.60	GIẢM	GIẢM		61.55				71.25	
PNJ	81.30	GIẢM	GIẢM		89.80				126.50	
POW	13.10	GIẢM	TĂNG		13.98					
PPC	17.35	GIẢM	GIẢM		17.93				19.39	
PTB	55.00	GIẢM	GIẢM		59.84				68.67	
PVD	12.75	GIẢM	GIẢM		14.25				17.99	
PVI	28.00	GIẢM	GIẢM		30.30				34.16	
PVS	15.90	GIẢM	GIẢM	17.70	15.99	-9.65%	BÁN		22.02	
PXS	4.82	GIẢM	GIẢM		5.36				7.11	
RAL	99.90	GIẢM	GIẢM		106.53				122.54	
REE	30.00	GIẢM	GIẢM		32.14				37.12	
SAB	226.00	GIẢM	TĂNG		233.59			252.40	207.41	-10.46%
SAM	6.95	GIẢM	GIẢM		7.12				8.11	
SBV	28.40	GIẢM	GIẢM		29.24				31.14	
SCR	8.00	GIẢM	GIẢM		9.06				11.17	



We Create Fortune

SHI	6.60	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-5.71%		6.99	5.88	-5.58%	
SJS	17.80	GIẢM	GIẢM		21.65				25.43		
SKG	18.70	GIẢM	GIẢM		20.75			20.60	19.70	-4.35%	
SSI	27.25	GIẢM	GIẢM		29.99				37.51		
STB	10.30	GIẢM	GIẢM		11.72				13.83		
SVC	44.00	GIẢM	GIẢM		48.02				51.89		
TCM	18.00	GIẢM	GIẢM		20.09				22.70		
TDH	13.70	GIẢM	GIẢM		14.42				15.83		
TLH	8.17	GIẢM	GIẢM		8.89				9.85		
TMT	6.85	GIẢM	GIẢM		7.44				10.56		
TNG	10.10	GIẢM	GIẢM		10.83				12.06		
TYA	10.95	GIẢM	GIẢM		12.00				14.12		
VCB	55.60	TĂNG	GIẢM	54.10	54.88	2.77%			64.41		
VFG	38.20	GIẢM	TĂNG		40.26			44.69	32.19	-14.52%	
VGC	20.50	GIẢM	GIẢM		23.13				26.55		
VIB	26.80	GIẢM	GIẢM		29.56				34.84		
VIC	105.00	GIẢM	GIẢM		110.96				109.53		
VIP	6.86	GIẢM	TĂNG		7.13			6.71	6.82	2.17%	
VJC	131.00	GIẢM	GIẢM		147.37				154.12		
VKC	6.20	GIẢM	TĂNG		6.62			6.80	5.68	-8.82%	
VNM	167.00	GIẢM	GIẢM		177.50				184.77		
VPB	26.40	GIẢM	GIẢM		30.43				33.19		
VRC	16.30	GIẢM	GIẢM		17.88				19.26		
VRE	38.60	GIẢM	GIẢM		41.08				51.30		
VSC	32.90	GIẢM	TĂNG		36.77			35.30	29.50	-6.80%	
VSH	17.00	GIẢM	TĂNG		17.58			17.40	16.36	-2.30%	



We Create Fortune

**Sàn GDCK TPHCM (HSX)**

	Điểm	Chg%
VNI	914.99	0.99
VN30	900.89	1.00
VN Mid	903.76	1.11
VN Small	790.51	0.11

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	524.17	
Bán	987.64	
GT ròng	(463.47)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PNJ	5,300	7.0%
VHM	7,200	6.9%
HCM	3,400	6.9%
SSI	1,450	5.6%
VIC	5,300	5.3%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DIG	(950)	-6.1%
HAR	(310)	-5.7%
ANV	(900)	-4.8%
SJS	(800)	-4.3%
GAS	(3,500)	-4.2%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	335,121	
VHM	296,901	
VNM	242,358	
VCB	200,036	
GAS	152,159	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
STB	6.77	4.69
FLC	4.95	6.42
BID	4.64	2.90
SSI	4.23	5.23
CTG	4.17	5.15

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK Hà Nội (HSX)**

	Điểm	Chg%
HNI	99.99	1.21
HN30	179.70	0.61
VNX AllSh	1,276.76	1.11

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	9.29	
Bán	25.02	
GT ròng	(15.73)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DNP	5,723	35.2%
MBS	1,000	6.9%
SHS	400	3.4%
ACB	1,000	3.2%
NDN	400	3.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGC	(400)	-1.9%
HUT	(100)	-1.9%
PVS	(100)	-0.6%
PVI	(100)	-0.4%
VCS	(300)	-0.4%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	34,704	
VCS	13,600	
VGC	9,191	
SHB	8,903	
PVS	7,103	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.49	7.31
ACB	4.13	4.68
PVS	3.67	3.98
VGC	2.31	2.51
HUT	1.67	1.43

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

**Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)**

	Điểm	Chg%
UPCoM	50.01	0.06

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	27.23	
Bán	51.97	
GT ròng	(24.74)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MPC	600	1.5%
OIL	200	1.3%
HVN	300	1.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
MSR	(1,000)	-4.9%
VGT	(300)	-2.9%
ACV	(2,000)	-2.3%
POW	(200)	-1.6%
BSR	(200)	-1.2%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	187,233	
BSR	51,778	
MCH	46,894	
HVN	37,799	
GVR	35,600	

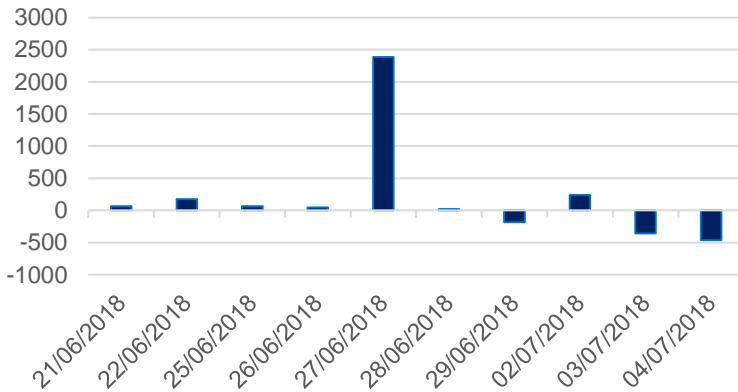
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	1.96	1.04
POW	1.15	1.16
LPB	0.93	1.51
SPB	0.44	0.00
OIL	0.43	0.72

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

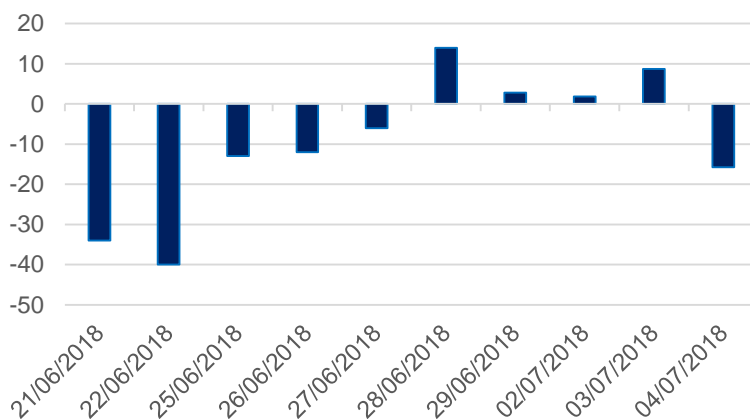
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>E1VFN30</b>	37,145	<b>VIC</b>	(147,659)
<b>SSI</b>	18,406	<b>VHM</b>	(109,339)
<b>VRE</b>	8,577	<b>BID</b>	(49,215)
<b>VCI</b>	5,849	<b>HDB</b>	(30,583)
<b>BMP</b>	5,400	<b>MSN</b>	(28,982)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

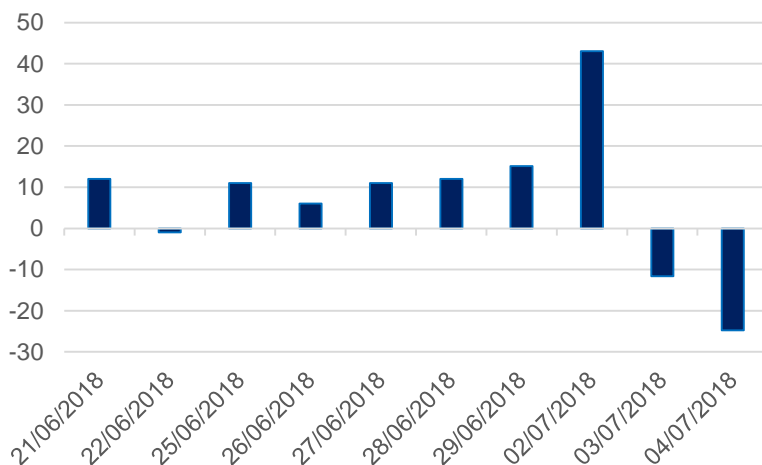
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>TV2</b>	529	<b>PVS</b>	(13,722)
<b>TNG</b>	303	<b>VGC</b>	(3,072)
<b>PVC</b>	132	<b>WCS</b>	(257)
<b>LAS</b>	113	<b>TV3</b>	(149)
<b>DGC</b>	95	<b>KVC</b>	(89)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
<b>MPC</b>	5,984	<b>BSR</b>	(27,957)
<b>MCH</b>	3,960	<b>POW</b>	(5,518)
<b>HVN</b>	2,302	<b>VGT</b>	(1,979)
<b>VEA</b>	1,879	<b>ACV</b>	(1,749)
<b>SCS</b>	812	<b>LPB</b>	(1,240)

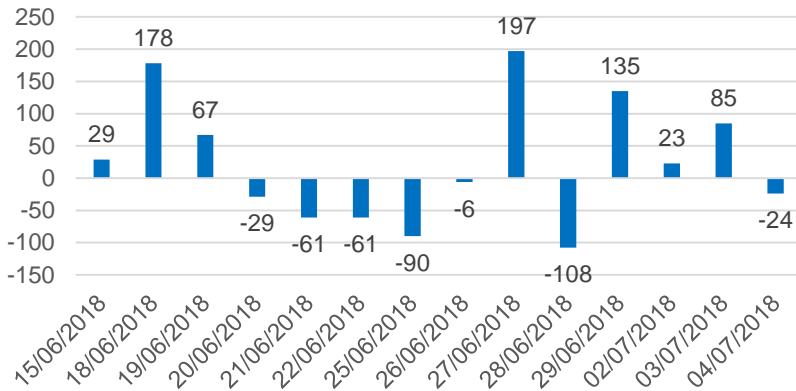
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

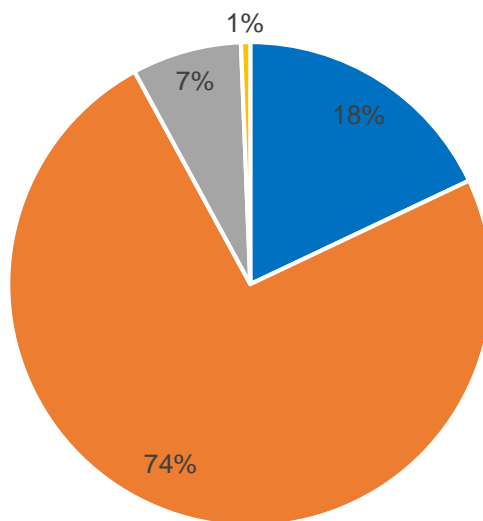


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VNĐ)
<b>VIC</b>	17,343	<b>E1VFN30</b>	37,449
<b>HPG</b>	9,034	<b>VCB</b>	14,618
<b>VIC</b>	7,238	<b>VIC</b>	7,725
<b>VNM</b>	6,694	<b>MSN</b>	6,188
<b>VJC</b>	5,146	<b>VIC</b>	4,721

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



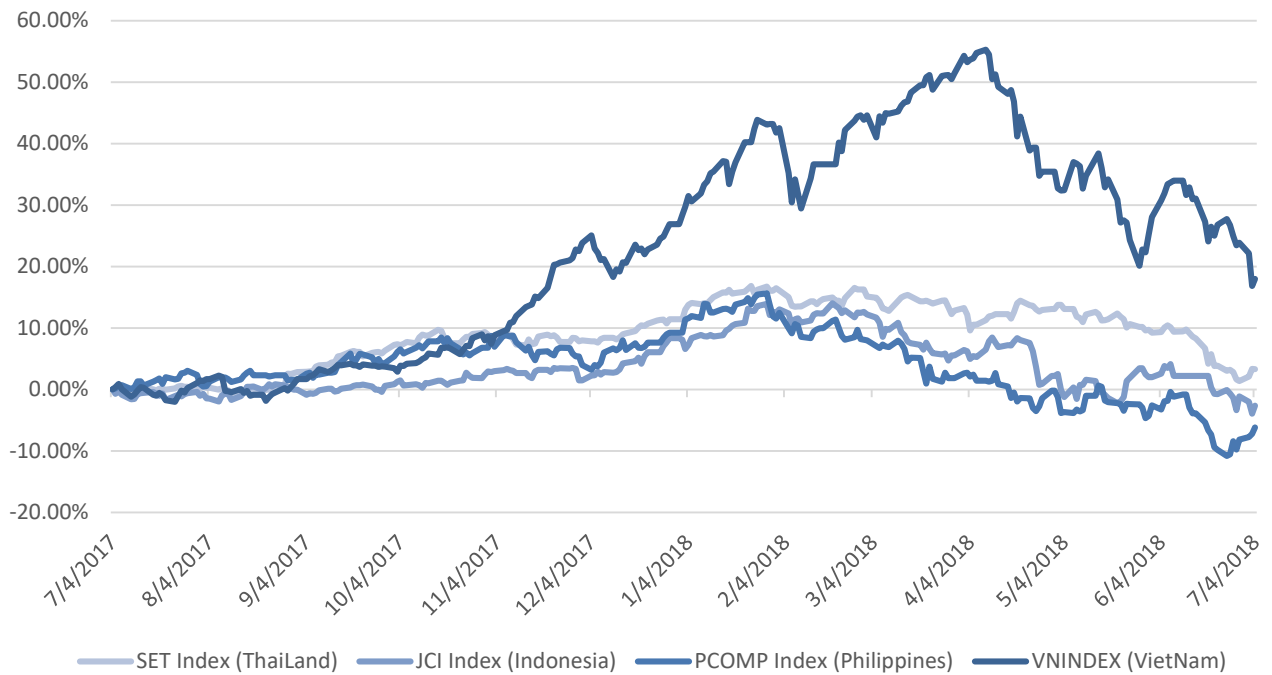
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

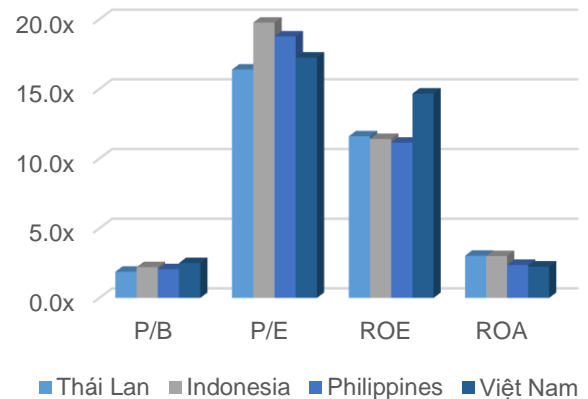
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.1x	2.5x
P/E		16.4x	19.8x	18.8x	17.2x
ROE	%	11.60	11.40	11.14	14.67
ROA	%	3.03	3.00	2.37	2.25
Vốn hóa	Tỷ USD	494.31	442.43	169.67	124.80
GTGD	Triệu USD	1.59	0.38	0.06	0.17
LS cổ tức	%	3.17	2.40	1.71	2.39

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written